

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 15/2019/DS-GĐT

Ngày 06/3/2019

*V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thuê
khoán vườn cây cà phê*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao** gồm 12 (mười hai) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Văn Bường - Phó chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thuê khoán vườn cây cà phê*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đông H, bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Tổ A, thị trấn I1, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị Như B; địa chỉ: số Z đường T, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, vợ chồng ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị Như B trình bày:

Ngày 10/01/2011, ông T và vợ chồng ông Nguyễn Đông H, bà Nguyễn Thị L ký “*Hợp đồng làm cà phê*” và hưởng chênh lệch sản lượng cà phê sau khi thu hoạch. Theo hợp đồng thì vợ chồng ông H, bà L có trách nhiệm làm những công việc như: làm cỏ chung quanh hồ cà phê trong vườn và đường ranh luôn sạch cỏ, ăn

ở sinh hoạt luôn phải có ít nhất 01 người tại nhà vườn, nộp sản lượng tương ứng với 3 tấn cà phê nhân/năm (riêng năm 2011, nếu tổng sản lượng ít hơn 9 tấn cà phê nhân thì nộp 2,8 tấn cà phê nhân), có trách nhiệm trông dặm những cây xấu, kém phẩm chất, chịu trách nhiệm khấu trừ vật chất (tiền mặt) nếu vi phạm các quy định đã cam kết hoặc làm ảnh hưởng hư hại đến các loại cây trồng trong khuôn viên vườn cũng như không thực hiện đúng các quy định của hợp đồng, phun thuốc khi cây bị bệnh, bón phân, trông giữ vườn và các dụng cụ được giao ...; thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 10/01/2011 đến ngày 10/01/2016. Theo đó ông T giao toàn bộ hai thửa đất có tổng diện tích 35.865m², trên đất trồng khoảng 3.000 cây cà phê, một số cây tiêu, cây sầu riêng, nhà ở trên đất và một số đồ dùng làm vườn như máy bơm nước, ống tưới, xe mô tô để phục vụ việc đi lại cho ông H, bà L. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến năm 2014 ông H, bà L không thực hiện đúng công việc quy định trong hợp đồng, do đó bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng làm cà phê ngày 10/01/2011 vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu; đồng thời bà B còn yêu cầu ông H, bà L phải bồi thường 104.250.000đ vì gây thiệt hại, suy thoái vườn cà phê, 83.600.000đ thiệt hại về tài sản.

- *Vợ chồng ông Nguyễn Đông H, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Ông H, bà L thừa nhận ngày 10/01/2011 có ký “*Hợp đồng làm cà phê*” với ông Nguyễn Quốc T; thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 10/01/2011 đến ngày 10/01/2016. Theo đó, ông H, bà L có trách nhiệm chăm sóc, thu hoạch cà phê theo các điều khoản quy định trong hợp đồng để hưởng chênh lệch sản lượng cà phê sau thu hoạch. Sau khi ký hợp đồng, ông H, bà L thực hiện nghiêm túc những điều khoản trong hợp đồng, hàng năm nộp sản lượng cà phê nhân cho ông T, bà B; cụ thể năm 2011 nộp 2,8 tấn, năm 2012 và 2013 mỗi năm nộp 2,6 tấn cà phê nhân, năm 2014 nộp 10.400 kg quả tươi tương đương 2,2 tấn cà phê nhân. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, vì thiếu tiền chăm sóc và đầu tư vườn cây cà phê nên ông H, bà L đã mượn tiền của vợ chồng ông T, bà B. Do chưa có tiền trả nên ông T, bà B khởi kiện đòi nợ ông H, bà L tại Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai. Đến ngày 14/10/2014, bà B khởi kiện yêu cầu trả lại vườn cây cà phê nêu trên, ông H, bà L không đồng ý. Ngày 23/3/2015, ông H, bà L có đơn phản tố: Nếu Tòa án buộc ông H, bà L phải trả lại vườn cây cà phê thì ông T, bà B phải bồi thường số tiền 259.500.000 đồng vì đơn phương chấm dứt “*Hợp đồng làm cà phê*”.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2016/DS-ST ngày 14/01/2016; Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như B. Tuyên bố “*Hợp đồng làm cà phê*” ngày 10/01/2011 ký giữa ông Nguyễn Quốc T với ông Nguyễn Đông H và bà Nguyễn Thị L vô hiệu. Buộc ông H, bà L phải trả lại cho ông T toàn bộ tài sản trên đất.

Không chấp nhận các yêu cầu của bà Võ Thị Như B gồm: Yêu cầu ông H, bà L phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 153.500.000 đồng, 72 cây cà phê bị chết, 197 cây cà phê suy thoái, 345 cây cà phê bị cỏ dại, cây bụi chen lấn không kinh doanh được và yêu cầu buộc ông H, bà L bồi thường thiệt hại về tài

sản số tiền 34.350.000 đồng vì đã không trả lại tài sản mà khi ký hợp đồng ông T đã giao cho ông H , bà B sử dụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông H , bà L về việc yêu cầu ông T phải bồi thường do “*Hợp đồng làm cà phê*” vô hiệu. Tuy nhiên, sau khi trừ đi sản lượng phải nộp cho ông T và các chi phí chăm sóc vườn cây cà phê trong một năm cuối của hợp đồng thì ông H , bà L bị lỗ nên không buộc ông T phải bồi thường.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H , bà L về việc buộc ông T , bà B phải trả sản lượng của 141 cây cà phê với giá trị 22.560.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị số 28/QĐKN-VKS-DS ngày 28/01/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để xét xử lại với lý do: Việc thu thập và đánh giá chứng cứ, giải quyết yêu cầu của các bên đương sự, quyết định về án phí, định giá tài sản chưa đúng pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng cho các đương sự trong vụ án và thiệt hại cho Nhà nước về án phí.

- Ngày 28/01/2016, ông H , bà L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 41/2016/DS-PT ngày 15/7/2016, TAND tỉnh Gia Lai quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H , bà L và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai; hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 07/11/2016, bà B có đơn xin rút đơn khởi kiện nên ngày 21/11/2016, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án. Mặc dù bà B rút đơn khởi kiện nhưng ông H , bà L không rút đơn phản tố, do đó ông H , bà L trở thành nguyên đơn trong vụ án.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/4/2017, Tòa án nhân dân huyện I quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 164, 165 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 422, 501, 502, 503, 504, 506, 507, 510 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Đông H và bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Như B bồi thường thiệt hại cho ông H , bà L tổng số tiền 259.500.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá tài sản, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2017, ông Nguyễn Đông H , bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2018/DS-PT ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đông H , bà Nguyễn Thị L .

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thuê khoán vườn cây cà phê, giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Đông H , bà Nguyễn Thị L với bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Như B .

Áp dụng Điều 501, 502, 503, 504, 506, 507, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đông H và bà Nguyễn Thị L . Buộc ông Nguyễn Quốc T , bà Võ Thị Như B phải bồi thường cho ông Nguyễn Đông H , bà Nguyễn Thị L 90.430.940 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 19/3/2018, ông Nguyễn Quốc T , bà Võ Thị Như B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, với lý do: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H , bà L đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong “*Hợp đồng làm cà phê*”, gây thiệt hại rất lớn cho gia đình ông T , bà B và việc thu thập, đánh giá chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án không khách quan, không đúng với thực tế của vụ việc.

- Tại Quyết định kháng nghị số 102/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 29/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm nêu trên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện I , tỉnh Gia Lai với lý do:

+ Theo “*Hợp đồng làm cà phê*” thì ông H , bà L phải thực hiện những công việc “...*Làm cỏ ép xanh, cuốc xới, cắt cành, vặt cành chồi, bón phân, tưới nước; ăn ở sinh hoạt luôn phải có ít nhất 01 người tại nhà vườn...*”. Tuy nhiên năm 2014 ông H , bà L không thực đúng công việc trong hợp đồng; vi phạm thỏa thuận về giao nộp sản lượng cà phê.

+ Mặc dù, ông H , bà L phản tố yêu cầu ông T , bà B bồi thường thiệt hại số tiền 259.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng; tuy nhiên ông H , bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh các chi phí đầu tư vườn cây cà phê nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận là không có cơ sở.

+ Tại Biên bản kê biên tài sản, Biên bản bàn giao quản lý, chăm sóc và bảo quản tài sản ngày 04/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện I đều ghi nhận đầy đủ số lượng cây cà phê bị chết, số hồ cà phê bỏ hoang không được trồng dặm. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 14/11/2017 do Tòa án cấp phúc thẩm lập không ghi đầy đủ như hai Biên bản nêu trên để xác định ông H , bà L có thực hiện đúng “*Hợp đồng làm cà phê*” hay không?.

+ Thực tế, sau thời gian thu hoạch cà phê vụ mùa năm 2014 đến ngày giao lại vườn cà phê cho ông T , bà B thì ông H , bà L không chăm sóc vườn cà phê; toàn bộ việc đầu tư, chăm sóc vườn cà phê trong năm 2015 do ông T , bà B thực hiện, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại lấy sản lượng cà phê bình quân của các năm trước làm cơ sở buộc ông T , bà B phải bồi thường cho ông H , bà L số tiền 90.430.940 đồng là không đúng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T , bà B .

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 10/01/2011, vợ chồng ông Nguyễn Đông H , bà Nguyễn Thị L ký “*Hợp đồng làm cà phê*” với ông Nguyễn Quốc T . Theo đó ông H , bà L có nghĩa vụ đầu tư, chăm sóc vườn cà phê của ông T , bà B tại làng O Pếch, xã Ia Pếch, huyện I , tỉnh Gia Lai; nộp sản phẩm cà phê theo thỏa thuận và được hưởng số cà phê còn lại. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 6 năm, kể từ ngày 10/01/2011 đến ngày 10/01/2016. Trên cơ sở thỏa thuận của hợp đồng, ông T giao toàn bộ hai thửa đất có diện tích 35.865m², trên đất trồng khoảng 3.000 cây cà phê, một số cây tiêu, cây sầu riêng, nhà ở gắn liền với đất và một số đồ dùng làm vườn như máy bơm nước, ống tưới, xe mô tô để phục vụ việc đi lại cho ông H , bà L . Ông H , bà L thực hiện hợp đồng được 3 năm thì hai bên xảy ra tranh chấp.

Đến ngày 14/10/2014, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố “*Hợp*

đồng làm cà phê” ngày 10/01/2011 vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu; đồng thời bà B còn yêu cầu ông H , bà L phải bồi thường 104.250.000 đồng thiệt hại về suy thoái vườn cà phê, 83.600.000 đồng thiệt hại về tài sản.

Ngày 23/3/2015, ông H , bà L có đơn phản tố yêu cầu ông T , bà B bồi thường số tiền 259.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trái pháp luật, cụ thể: Lợi nhuận dự tính sẽ đạt trong năm 2015, nếu Ông, Bà chăm sóc vườn cà phê một cách bình thường thì thu hoạch được khoảng 12 tấn cà phê nhân; sau khi đã trừ đi các khoản chi phí, Ông, Bà được lãi 237.000.000 đồng và sản lượng 141 cây cà phê mà ông T tự ý chặt phá để trồng tiêu vào khoảng thời gian tháng 3 năm 2014 có giá trị 22.500.000 đồng.

Ngày 07/11/2016, bà B có đơn xin rút đơn khởi kiện nên ngày 21/11/2016, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 68/2016/QĐST-DS. Tuy bà B rút đơn khởi kiện nhưng ông H , bà L không rút đơn phản tố, vì vậy ông H , bà L trở thành nguyên đơn trong vụ án.

Xét thấy:

[1]. Về việc thực hiện “*Hợp đồng làm cà phê*” ngày 10/01/2011:

- Theo “*Hợp đồng làm cà phê*” thì vợ chồng ông H , bà L có nghĩa vụ phải đầu tư, chăm sóc vườn cây cà phê và nộp sản lượng 3 tấn cà phê nhân/năm; riêng năm 2011, nếu tổng sản lượng ít hơn 9 tấn cà phê nhân thì nộp 2,8 tấn cà phê nhân.... Quá trình thực hiện hợp đồng, hằng năm vợ chồng ông H và bà L đều nộp sản lượng cho vợ chồng ông T , bà B ; cụ thể năm 2011 nộp 2,8 tấn, năm 2012 và 2013 mỗi năm nộp 2,6 tấn cà phê nhân, năm 2014 nộp 10.400 kg quả tươi tương đương 2,2 tấn cà phê nhân. Mặc dù, trong hợp đồng ghi mức khoán là 03 tấn nhưng qua ba năm thực hiện nộp sản lượng cà phê, ông T , bà B không có ý kiến gì mà vẫn nhận sản lượng cà phê của ông H , bà L . Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/9/2017 (phiên tòa này hoãn, bút lục 503-511), ông T cũng thừa nhận năm 2011 sản lượng cà phê ông T cảm nhận được khoảng 13 tấn; ngoài ra, ông T còn công nhận các năm 2012, 2013, ông H , bà L thực hiện đúng hợp đồng.

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện I lập ngày 10/12/2014 và ngày 17/9/2015 (bút lục 91-95, 117-121) thể hiện: “*hiện trạng vườn cà phê có tổng số 2.423 cây, trong đó có 2.248 cây cà phê kinh doanh từ 6-20 năm, 72 cây cà phê kinh doanh từ 6-20 năm đã chết, 103 cây cà phê trồng dặm năm 2012*”, không có nội dung nào ghi nhận có cây cà phê suy thoái. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 17/9/2015 (bút lục 122-125), Hội đồng định giá cũng xác định giá trị của tất cả số cây cà phê, theo đó giá trị mỗi cây là 231.000 đồng (phù hợp với Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành đơn giá đền bù cây cối hoa màu trên địa bàn tỉnh Gia Lai). Đây là giá của cây cà phê kinh doanh từ 6-20 năm, mức độ phát triển tốt. Việc 72 cây cà phê kinh doanh từ 6-20 năm đã chết nằm trong tỉ lệ cho phép như Phòng nông nghiệp và Phát

triển nông thôn huyện I cung cấp là số cây chết cho phép từ 3-5% (bút lục 168-170).

- Tại Biên bản kê biên tài sản và Biên bản quản lý, chăm sóc, bảo quản tài sản cùng ngày 04/2/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I (bút lục 219-224) ghi nhận “...*Ngôi nhà trong vườn cà phê hiện tại không có người ở và sử dụng...*”. Tuy nhiên, Biên bản kê biên tài sản và Biên bản quản lý, chăm sóc, bảo quản tài sản nêu trên chỉ phản ánh được sự việc “*hiện tại không có người ở và sử dụng*” tại thời điểm kê biên chứ không phản ánh được toàn bộ quá trình ông H , bà L thực hiện hợp đồng. Viện kiểm sát chỉ căn cứ vào sự việc có tại một thời điểm để đánh giá cả một quá trình thực hiện hợp đồng của ông H , bà L là không toàn diện.

Như vậy, mặc dù bà B không ký “*Hợp đồng làm cà phê*” ngày 10/01/2011 nhưng quá trình thực hiện hợp đồng bà B , ông T vẫn được ông H , bà L giao nộp sản lượng cà phê, bà B không có ý kiến gì nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, bà B đã rút đơn khởi kiện.

[2]. Về việc thu thập chứng cứ liên quan đến việc ông H , bà L yêu cầu ông T , bà B bồi thường 259.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật:

- Tại Đơn phản tố, ông H và bà L yêu cầu ông T , bà B bồi thường thiệt hại số tiền 259.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Kháng nghị cho rằng ông H , bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh các chi phí đầu tư như tiền điện nước, mua phân bón, thuốc trừ sâu, công làm cỏ, công làm canh, công chăm sóc, quản lý, tôn tạo vườn cà phê; nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận buộc ông T , bà B phải bồi thường cho ông H , bà L số tiền 90.430.940 đồng là không có căn cứ, thấy: Việc yêu cầu ông H , bà L cung cấp những chứng cứ nêu trên là không khả thi; vì vậy trong trường hợp này, Tòa cấp phúc thẩm căn cứ vào số lượng cây cà phê tăng lên, sụt giảm, chi phí đầu tư và sản lượng cà phê thu được trong những năm ông H , bà L thực hiện hợp đồng và các văn bản của các cơ quan chuyên môn để tính chi phí, sản lượng cà phê năm 2015 là có cơ sở, phù hợp với thực tế và có lợi cho ông T , bà B . Do ông T , bà B không chứng minh được vợ chồng ông H , bà L vi phạm hợp đồng nên việc ông T , bà B tự đơn phương chấm dứt hợp đồng là không đúng, trái với thỏa thuận của các bên, vi phạm thời hạn “*Hợp đồng làm cà phê*”, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của ông H , bà L trong việc khai thác sản lượng cà phê trong thời gian còn lại của hợp đồng. Do đó ông H , bà L yêu cầu ông T , bà B bồi thường thiệt hại là đúng pháp luật.

- Kháng nghị cho rằng ngày 14/11/2017, Tòa án cấp phúc thẩm lập Biên bản xác minh (bút lục 526) nhưng không ghi đầy đủ về số lượng cây cà phê bị chết, số lượng cây cà phê không được trồng dặm, thấy: Việc Tòa cấp phúc thẩm có ghi hay không là không cần thiết; bởi lẽ: Tại thời điểm lập Biên bản xác minh nêu trên, vợ chồng ông T , bà B đã quản lý, canh tác vườn cà phê được 3 năm, quá trình canh tác ông T , bà B đã thay đổi loại cây trồng nên hiện trạng vườn cà phê tại thời điểm lập Biên bản xác minh không còn như hiện trạng vườn cà

phê tại thời điểm kê biên tài sản.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Kháng nghị giám đốc thẩm số 102/2018/QĐKNĐT-VKS-DS ngày 29/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 102/2018/QĐKNĐT-VKS-DS ngày 29/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND huyện I, tỉnh Gia Lai (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (để biết);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bường